

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/03/2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017.

Mã chứng khoán là BTN.

Vốn điều lệ: 44.655.700.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 44.655.700.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : 02563.832809; 02563.832176; 02563.832121; 02563.832254
- Fax : 02563.832809
- Email : pkt@tuynenbinhdinh.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện dân dụng và điện công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quốc Vương	Chủ tịch	25/03/2021	
Ông Lê Huy Hoàng	Chủ tịch	15/03/2016	25/03/2021
Ông Trần Mạnh Hùng	P. Chủ tịch	25/03/2021	
	Thành viên	15/03/2016	25/03/2021
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên	25/03/2021	
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên	25/03/2021	
Ông Nguyễn Kim Hùng	Thành viên	25/03/2021	
Ông Lê Thanh Kỳ	Phó Chủ tịch	15/03/2016	25/03/2021
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	15/03/2016	25/03/2021
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên	15/03/2016	25/03/2021

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Ngọc Sơn	Trưởng ban	25/03/2021	
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên	15/03/2016	25/03/2021
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	25/03/2021	
Ông Từ Văn Nghĩa	Thành viên	25/03/2021	

4.3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Hùng	Giám đốc	19/03/2020	
Ông Ngô Quốc Vương	Phó Giám đốc	25/04/2019	
	Kế toán trưởng	01/11/2020	05/07/2021
Bà Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	05/07/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Mạnh Hùng	Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

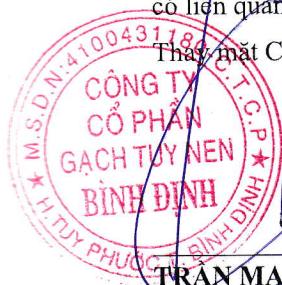
Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty



TRẦN MẠNH HÙNG

Giám đốc

Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2022



Số: 15/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số VIII. 4 của Báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là (13.066.663.079) đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 13.328.135.418 đồng. Ngoài ra, Công ty đang phải tạm ngừng dây chuyền sản xuất gạch nhẹ AAC do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế và để thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thành - P.Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐKHN số: 1650-2018-071-1
Chữ ký được uỷ quyền

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2021)	Số đầu năm (ngày 01/01/2021)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.766.399.540	12.431.271.060
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	611.053.111	617.804.489
111	1. Tiền		611.053.111	617.804.489
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.349.061.604	1.702.166.725
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	1.309.448.977	1.668.321.607
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		656.949	13.750.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	38.955.678	20.095.118
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	4.083.822.840	6.851.714.047
141	1. Hàng tồn kho		4.103.435.129	6.936.346.923
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(19.612.289)	(84.632.876)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.722.461.985	3.259.585.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	165.992.283	109.332.422
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.556.469.702	3.150.253.377
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		62.821.841.313	67.790.343.905
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		62.418.018.065	67.377.129.419
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	62.418.018.065	67.377.129.419
222	- Nguyên giá		99.792.140.257	101.758.545.877
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.374.122.192)	(34.381.416.458)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		403.823.248	413.214.486
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	403.823.248	413.214.486
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		71.588.240.853	80.221.614.965

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	7.946.186.800	13.053.691.641
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.946.186.800	13.053.691.641
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	6.565.810.252	9.483.411.739
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.380.376.548	3.570.279.902
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	324.069	1.705.000
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	2.565.597.141	2.708.998.841
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.565.597.141	2.708.998.841
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	765.171.475	572.844.462
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.703.611.914	2.423.044.173
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.653.679.913)	(2.132.902.574)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	658.302.906	208.927.370
32	12. Chi phí khác	VI.8	3.692.185.857	3.443.332.683
40	13. Lợi nhuận khác		(3.033.882.951)	(3.234.405.313)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.687.562.864)	(5.367.307.887)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	11.792.328	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(1.751)	(1.221)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(1.751)	(1.221)

Người lập biểu

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THẢO PHƯƠNG

Đã Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2022
Giám Đốc

TRẦN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		8.659.719.522	13.717.922.660
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(4.492.291.952)	(6.218.007.637)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.260.762.159)	(2.341.671.350)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.824.311.744)	(2.729.827.079)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.9	(11.792.328)	(834.570.660)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		541.047.168	201.951.233
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(961.855.697)	(2.012.620.994)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		649.752.810	(216.823.827)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		610.909.091	195.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		324.069	1.705.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		611.233.160	697.159.546
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	2.242.391.487	12.182.516.626
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(3.510.128.835)	(13.828.638.770)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.267.737.348)	(1.646.122.144)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(6.751.378)	(1.165.786.425)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		617.804.489	1.783.590.914
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	611.053.111	617.804.489

Người lập biểu

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THẢO PHƯƠNG

Đã kiểm tra, ngày 23 tháng 03 năm 2022



TRẦN MẠNH HÙNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/03/2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017.

Mã chứng khoán là BTN.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nèn, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện dân dụng và điện công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã và đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khi nhu cầu tiêu thụ gạch sụt giảm, hoạt động sản xuất bị gián đoạn. Điều này làm cho doanh thu giảm mạnh hơn năm trước, dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm mạnh.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2021 Công ty có 21 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2021 là 29 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Hết khấu hao
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYẾN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Doanh thu bán thành phẩm gạch các loại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	61.017.329	159.805.703
Tiền gửi ngân hàng	550.035.782	457.998.786
Cộng	<u>611.053.111</u>	<u>617.804.489</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.309.448.977	1.668.321.607
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Như Ý	135.480.861	1.347.496.981
- Công ty TNHH SX TM Gạch bê Tông Nhẹ Bình Định	975.208.245	-
- Công ty TNHH Công Nghệ & XD Nam Ngân	116.556.000	75.369.459
- Các đối tượng khác	82.203.871	245.455.167
Cộng	<u>1.309.448.977</u>	<u>1.668.321.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.245.668	-	18.949.008	-
Phải thu nhân viên về BHXH	13.245.668	-	17.384.890	-
Phải thu các đối tượng khác	-	-	1.564.118	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	25.710.010	-	1.146.110	-
Cộng	38.955.678	-	20.095.118	-

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.592.586.683	-	1.854.812.853	-
Công cụ, dụng cụ	55.527.074	-	122.544.111	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	260.787.969	-
Thành phẩm	2.435.335.708	(19.612.289)	4.648.136.415	(84.632.876)
Hàng hóa	19.985.664	-	50.065.575	-
Cộng	4.103.435.129	(19.612.289)	6.936.346.923	(84.632.876)

5. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	136.000.000	80.100.000
Chi phí bảo hiểm, tiền bảo dưỡng	29.992.283	29.232.422
Cộng	165.992.283	109.332.422

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	109.332.422	221.038.636
Tăng trong năm	641.520.443	606.364.870
Phân bổ trong năm	(584.860.582)	(718.071.084)
Số dư cuối năm	165.992.283	109.332.422

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	403.823.248	413.214.486
Cộng	<u>403.823.248</u>	<u>413.214.486</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	413.214.486	508.355.761
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(9.391.238)	(95.141.275)
Số dư cuối năm	<u>403.823.248</u>	<u>413.214.486</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>P.tiện vận tải truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	31.585.333.260	67.991.804.247	1.716.405.620	465.002.750	101.758.545.877
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(250.000.000)	(1.716.405.620)	-	(1.966.405.620)
Số cuối năm	<u>31.585.333.260</u>	<u>67.741.804.247</u>	<u>-</u>	<u>465.002.750</u>	<u>99.792.140.257</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.333.807.773	16.148.945.008	1.716.405.620	182.258.057	34.381.416.458
Khấu hao trong năm	1.548.871.974	3.365.595.480	-	44.643.900	4.959.111.354
T.lý, nhượng bán	-	(250.000.000)	(1.716.405.620)	-	(1.966.405.620)
Số cuối năm	<u>17.882.679.747</u>	<u>19.264.540.488</u>	<u>-</u>	<u>226.901.957</u>	<u>37.374.122.192</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.251.525.487	51.842.859.239	-	282.744.693	67.377.129.419
Số cuối năm	<u>13.702.653.513</u>	<u>48.477.263.759</u>	<u>-</u>	<u>238.100.793</u>	<u>62.418.018.065</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 58.001.898.846 đồng. Bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch nhẹ aac, xem thuyết minh số V.13.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.782.307.473 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	940.329.717	2.228.974.532
- Công ty Cổ phần BICM	457.884.833	905.686.000
- Công ty TNHH Xây dựng Tân Phương	133.396.419	775.245.500
- Xí nghiệp SX kinh doanh VLXD Nhơn Hòa	51.090.910	262.600.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Anh Nguyễn	117.135.040	-
- Các đối tượng phải trả khác	180.822.515	285.443.032
Cộng	940.329.717	2.228.974.532

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	316.648.559	158.694.995
- Công ty TNHH XD ĐT Trung Nghĩa	-	80.000.000
- Công ty TNHH TK-XD Đức Tín	-	28.345.597
- Nguyễn Trọng Nhân	275.000.000	-
- Công ty TNHH SX VLXD Tuấn Hùng	38.500.161	-
- Các đối tượng khác	3.148.398	50.349.398
Cộng	316.648.559	158.694.995

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	11.792.328	11.792.328	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.086.145	-	2.419.200	24.505.345	-	-
Tiền thuê đất	-	-	255.254.365	255.254.365	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	22.086.145	-	272.465.893	294.552.038	-	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với gạch các loại thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh gạch không nung, gạch nhẹ aac:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYẾN BÌNH ĐỊNH
 Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty được ưu đãi thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ 1/1/16 áp dụng thuế suất là 17%).
- Miễn 2 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có Thu nhập chịu thuế.

Những ưu đãi trên đây được quy định tại khoản 4, điều 19 và khoản 3, điều 20 Thông tư số 78/TT-BTC ngày 18/06/2014.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Trong năm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.687.562.864)	(5.367.307.887)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	81.947.833	119.750.030
- Các khoản điều chỉnh tăng	81.947.833	119.750.030
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	81.947.833	119.750.030
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(7.605.615.031)	(5.367.307.887)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.792.328	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.792.328	-
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Chi phí thuế TNDN bổ sung các kỳ trước (*)	11.792.328	-

(*) Công ty kê khai bổ sung thuế TNDN hiện hành của năm trước do điều chỉnh một số khoản chi không hợp lý hợp lệ vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm 2021.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	643.724.501	-
Cộng	643.724.501	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay dự trả	834.913.738	93.628.341
Trích trước tiền điện thoại	597.226	-
Cộng	<u>835.510.964</u>	<u>93.628.341</u>

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	247.866.500	68.760.800
- Thủ lao HDQT, BKS phải trả	232.243.200	58.060.800
- Phải trả khác	15.623.300	10.700.000
Cộng	<u>247.866.500</u>	<u>68.760.800</u>

13. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.797.085.445	6.797.085.445	7.036.764.793	7.036.764.793
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Tài	6.797.085.445	6.797.085.445	6.917.034.793	6.917.034.793
- Ngân hàng Chính sách Xã Hội H.Tuy Phước	-	-	119.730.000	119.730.000
Vay Công đoàn cơ sở	-	-	467.658.000	467.658.000
Vay Ban nữ công Công ty	-	-	350.000.000	350.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.008.416.029	11.008.416.029	5.363.268.029	5.363.268.029
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Phú Tài	972.076.029	972.076.029	592.080.029	592.080.029
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Bình Định	10.036.340.000	10.036.340.000	4.771.188.000	4.771.188.000
Cộng	<u>17.805.501.474</u>	<u>17.805.501.474</u>	<u>13.217.690.822</u>	<u>13.217.690.822</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	11.516.605.721	11.516.605.721	17.372.153.721	17.372.153.721
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Phú Tài	-	-	479.996.000	479.996.000
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vương - CN Bình Định	11.516.605.721	11.516.605.721	16.892.157.721	16.892.157.721
Cộng	11.516.605.721	11.516.605.721	17.372.153.721	17.372.153.721

➤ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài theo hợp đồng tín dụng Số 01/2014/309602/HĐTD ngày 27 tháng 11 năm 2014. Tổng số tiền vay là 21.000.000.000 đồng; mục đích vay: Dự án đầu tư nhà máy gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 81 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn là 12 tháng; lãi suất vay được xác định tại thời điểm rút vốn đầu tiên là 7,5%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp: toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch không nung hình thành từ vốn vay, xem thuyết minh số V.9.

➤ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Chi nhánh Bình Định theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng vay số SME/BDH/18/0029/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2018; phụ lục hợp đồng cho vay số SME/BDH/18/0029/PLHĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2018. Tổng số tiền cho vay là 25.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn để thanh toán hoặc hoàn vốn tiền đầu tư xây dựng công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Công trình nhà xưởng sản xuất gạch không nung - bê tông nhẹ; gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay quy định cụ thể trong các kế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng cho vay số SME/BDH/18/0083/HĐTD ngày 17 tháng 11 năm 2018. Tổng số tiền cho vay là 440.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe nâng nhãn hiệu Komatsu; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay là 10,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.192.272.920	-	78.217.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	190.897.323	-	-	190.897.323
Cộng	1.383.170.243	-	78.217.000	1.304.953.243

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số tại 01/01/2020	44.655.700.000	6.924.499.780	(688.080.000)	151.643.473	51.043.763.253
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(5.367.307.887)	(5.367.307.887)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	151.643.473	-	(151.643.473)	-
Số dư tại 31/12/2020	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(5.367.307.887)	45.676.455.366
Số dư tại 01/01/2021	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(5.367.307.887)	45.676.455.366
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(7.699.355.192)	(7.699.355.192)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(13.066.663.079)	37.977.100.174

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ông Lê Huy Hoàng	0,00%	280.000	5,34%	2.384.280.000
Bà Trần Thị Kim Chi	3,56%	1.589.670.000	5,13%	2.289.670.000
Ông Lê Thanh Kỳ	0,00%	860.000	5,49%	2.450.860.000
Bà Lê Thị Mỹ	4,84%	2.163.000.000	0,00%	-
Cổ phiếu quỹ	1,54%	688.080.000	1,54%	688.080.000
Các cổ đông khác	90,05%	40.213.810.000	82,50%	36.842.810.000
Cộng	100,00%	44.655.700.000	100,00%	44.655.700.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	44.655.700.000	44.655.700.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	44.655.700.000	44.655.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.465.570	4.465.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu thường	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.808	68.808
- Cổ phiếu thường	68.808	68.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu thường	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(5.367.307.887)	151.643.473
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(151.643.473)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	(151.643.473)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(13.066.663.079)</u>	<u>(5.367.307.887)</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.946.186.800	13.053.691.641
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch không nung	3.913.870.857	7.236.502.137
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nung	2.173.387.888	3.131.772.591
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nhẹ AAC	500.632.673	1.130.349.231
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển và hoạt động khác	1.358.295.382	1.555.067.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>7.946.186.800</u>	<u>13.053.691.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm gạch không nung	3.667.482.274	5.747.991.284
Giá vốn thành phẩm gạch nung	1.589.817.047	1.874.854.666
Giá vốn thành phẩm gạch nhẹ AAC	365.971.750	526.745.986
Giá vốn dịch vụ vận chuyển và hoạt động khác	1.007.559.768	1.359.123.268
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(65.020.587)	(25.303.465)
Cộng	<u><u>6.565.810.252</u></u>	<u><u>9.483.411.739</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	324.069	1.705.000
Cộng	<u><u>324.069</u></u>	<u><u>1.705.000</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.565.597.141	2.708.998.841
Cộng	<u><u>2.565.597.141</u></u>	<u><u>2.708.998.841</u></u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	238.274.162	107.723.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.561.372	403.318.036
Chi phí khác bằng tiền	273.335.941	61.803.365
Cộng	<u><u>765.171.475</u></u>	<u><u>572.844.462</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý	3.320.000	2.731.819
Chi phí nhân viên quản lý	1.229.223.166	946.405.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.724.000	350.724.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	640.599.437	434.120.125
Chi phí bằng tiền khác	479.745.311	689.063.076
Cộng	<u>2.703.611.914</u>	<u>2.423.044.173</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	610.909.091	195.454.546
Thu tiền cho thuê cảng tin	12.500.000	10.250.000
Các khoản thu nhập khác	34.893.815	3.222.824
Cộng	<u>658.302.906</u>	<u>208.927.370</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao nhà máy gạch AAC tạm ngừng sản xuất	3.445.240.104	3.168.615.926
Chi phí xử lý thiệt hại do bão	164.997.920	154.966.727
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	81.947.833	119.749.728
Xử lý công nợ	-	302
Cộng	<u>3.692.185.857</u>	<u>3.443.332.683</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.396.762	4.396.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>(1.751)</u>	<u>(1.221)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.465.570	4.465.570
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(68.808)	(68.808)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>4.396.762</u>	<u>4.396.762</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.396.762	4.396.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.751)</u>	<u>(1.221)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.521.345.012	3.857.343.505
Chi phí nhân công	2.225.200.884	2.409.742.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.513.871.250	1.807.888.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.586.838.337	2.321.792.247
Chi phí khác bằng tiền	778.770.069	796.744.989
Cộng	<u>7.626.025.552</u>	<u>11.193.511.537</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.242.391.487	12.182.516.626
Cộng	<u>2.242.391.487</u>	<u>12.182.516.626</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYỀN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(3.510.128.835)	(13.828.638.770)
Cộng	(3.510.128.835)	(13.828.638.770)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Ngô Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	163.681.107	29.030.400	-	192.711.507
2	Trần Mạnh Hùng	P. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	185.480.416	30.643.200	-	216.123.616
3	Phạm Văn Thanh	Thành viên HĐQT	36.742.308	19.353.600	-	56.095.908
4	Trần Đức Thanh	Thành viên HĐQT	-	19.353.600	-	19.353.600
5	Nguyễn Kim Hùng	Thành viên HĐQT	-	19.353.600	-	19.353.600
6	Lê Ngọc Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	43.059.154	32.256.000	-	75.315.154
7	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	52.147.766	25.804.800	-	77.952.566
8	Từ Văn Nghĩa	Thành viên BKS	27.323.077	19.353.600	-	46.676.677
9	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	67.586.815	-	-	67.586.815
	Tổng cộng		576.020.643	195.148.800	-	771.169.443

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2020			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Lê Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	97.863.583	38.707.200	-	136.570.783
2	Lê Thanh Kỳ	P. Chủ tịch HĐQT	45.684.149	32.256.000	-	77.940.149
3	Trần Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	159.534.621	25.804.800	-	185.339.421
4	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT	19.353.600	25.804.800	-	45.158.400
5	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	233.070.246	25.804.800	-	258.875.046
6	Lê Ngọc Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	91.719.910	32.256.000	-	123.975.910
7	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	68.593.849	25.804.800	-	94.398.649
8	Phạm Văn Thanh	Thành viên BKS	64.411.511	25.804.800	-	90.216.311
9	Ngô Quốc Vương	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	184.716.669	-	-	184.716.669
	Tổng cộng		964.948.138	232.243.200	-	1.197.191.338

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Gạch các loại		Cung cấp dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.587.891.418	1.358.295.382		-	7.946.186.800
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-		-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.587.891.418	1.358.295.382		-	7.946.186.800
Giá vốn bộ phận	5.558.250.484	1.007.559.768		-	6.565.810.252
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.029.640.934	350.735.614		-	1.380.376.548
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.498.623.959	1.555.067.682		-	13.053.691.641
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-		-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.498.623.959	1.555.067.682		-	13.053.691.641
Giá vốn bộ phận	8.124.288.471	1.359.123.268		-	9.483.411.739
Lợi nhuận gộp bộ phận	3.374.335.488	195.944.414		-	3.570.279.902

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là (13.066.663.079) đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 13.328.135.418 đồng. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2021 bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid 19. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

